

# THE CURRENT SITUATION AND SOME FACTORS RELATED TO SIGNS OF ANXIETY, DEPRESSION, AND STRESS AMONG PHENIKAA HEALTH SCIENCES STUDENTS IN THE COVID-19 PANDEMIC, 2021

Nguyen Van Liep<sup>1,\*</sup>, Nguyen Nhat Giao<sup>1</sup>, Nguyen Mai Anh<sup>1</sup>, Quach Thi Mai Thuy<sup>1</sup>,  
Nguyen Dinh Can<sup>2</sup>, Nguyen Dinh Khai<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Phenikaa University - Nguyen Van Trac Street, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

<sup>2</sup>Viet Duc Nutrition Institute - No.05/20, Ta Hong dike stress, Dong Tru, Dong Anh, Hanoi, Vietnam

Received 14/01/2023

Revised 20/02/2023; Accepted 04/04/2023

## ABSTRACT

**Background:** A cross-sectional study was conducted on 369 full-time health sciences students studying at Phenikaa University to find out about the status and some factors related to the signs of anxiety, depression, and stress among students during the COVID-19 pandemic.

**Results:** The prevalence of students with anxiety, depression, and stress was (11.1%), (11.1%) and (4.9%) respectively. Factors, such as male gender and history of psychological problems (psychological stress, anxiety disorders, depression, sleep disturbances), were identified to affect the psychology of female students during the COVID-19 pandemic.

**Conclusion:** The percentage of students showing signs of anxiety, depression, and stress is relatively high in this study, indicating the support plans and extracurricular programs from school to help students release and balance their psychological health to improve the above situation.

*Keywords:* Phenikaa, anxiety, depression, stress, students, DASS-21.

---

\*Corresponding author

Email address: liep.nguyenvan@phenikaa-uni.edu.vn

Phone number: (+84) 912 333 060

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i3.647>

# THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TỚI DẤU HIỆU LO ÂU, TRẦM CẢM VÀ STRESS CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE ĐẠI HỌC PHENIKAA TRONG ĐẠI DỊCH COVID – 19, NĂM 2021

Nguyễn Văn Liệp<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Nhật Giao<sup>1</sup>, Nguyễn Mai Anh<sup>1</sup>, Quách Thị Mai Thùy<sup>1</sup>,  
Nguyễn Đình Căn<sup>2</sup>, Nguyễn Đình Khải<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Đại học Phenikaa - Đường Nguyễn Văn Trác, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Viện Dinh dưỡng Việt Đức - Số 05, ngõ 20, đường Đê Tả Hồng, Đông Trù, Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 14 tháng 01 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 20 tháng 02 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 04 tháng 04 năm 2023

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 369 sinh viên chính quy khối ngành sức khỏe đang học tại Đại học Phenikaa nhằm: Tìm hiểu về thực trạng và một số yếu tố liên quan tới các dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên trong đại dịch COVID-19.

**Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress lần lượt là: (11.1%), (11.1%) và (4.9%). Các yếu tố như giới tính nam, tiền sử mắc các vấn đề về tâm lý (căng thẳng tâm lý, rối loạn lo âu, trầm cảm, rối loạn giấc ngủ) được xác định là các yếu tố có ảnh hưởng đến tâm lý của sinh viên trong đại dịch COVID – 19.

**Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress khá cao trong nghiên cứu chúng tôi. Nhà trường cần có những kế hoạch hỗ trợ, các chương trình ngoại khóa giúp sinh viên giải tỏa và cân bằng tâm lý để cải thiện tình trạng trên.

**Keywords:** Đại học Phenikaa, lo âu, trầm cảm, stress, DASS -21, sinh viên.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID – 19 bùng phát lần đầu tháng 12 năm 2019 tại Vũ Hán – Trung Quốc. Tại Việt Nam đã ghi nhận ca lây nhiễm đầu tiên vào ngày 23 tháng 01 năm 2020. Để phòng chống sự lây lan của dịch bệnh, các quốc gia áp dụng nhiều chính sách khẩn cấp, trong đó có giãn cách xã hội. Sự thay đổi về phương pháp học

tập và giao tiếp xã hội gây ra áp lực lên tâm lý của sinh viên.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của tác giả Trần Kim Trang tiến hành trên 483 sinh viên năm thứ 2 khoa Y và răng hàm mặt Đại học Y được thành phố Hồ Chí Minh cho kết quả, tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress, cụ thể: 22.4%, 28.8% và 71.4%[1]. Nguyễn Thị Bích Tuyên và cộng sự nghiên cứu trên 134 sinh viên

\*Tác giả liên hệ

Email: liep.nguyenvan@phenikaa-uni.edu.vn

Điện thoại: (+84) 912333060

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i3.647>



năm cuối ngành Dược tại Đại học Lạc Hồng và Đại học Công nghệ Miền Đông cho thấy tỷ lệ sinh viên biểu hiện lo âu, trầm cảm và stress nhẹ, vừa, nặng tương ứng: lo âu (8.2%, 24.6% và 6%), trầm cảm (18.7%, 10.4% và 0.7%), stress (11.9%, 4.5% và 0%)[2].

Tác giả Wei-wei Chang và cộng sự tiến hành nghiên cứu trên sinh viên khối ngành sức khỏe tại Trung Quốc cho kết quả, tỷ lệ sinh viên gặp các dấu hiệu trầm cảm, lo âu và stress tương ứng như sau: 31.9%, 32.9%, và 14.6%. Tỷ lệ sinh viên gặp phải dấu hiệu trầm cảm, lo âu và stress từ mức độ trung bình trở lên, cụ thể: trung bình (16.4%, 19.0%, 4.3%), (2.6%, 3.5%, 1.9%), rất nặng (1.8, 3.7%, 0.8%). Kết quả nghiên cứu xác nhận những yếu tố sau liên quan đến dấu hiệu trầm cảm, lo âu và stress: giới tính nam, năm học và mối quan hệ với cha mẹ [4].

Nhằm tìm hiểu về thực trạng và một số yếu tố liên quan tới các dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên khối ngành sức khỏe Đại học Phenikaa trong đại dịch COVID -19. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với những mục tiêu sau:

1.1. Đánh giá mức độ lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên khối ngành sức khỏe - Đại học Phenikaa trong đại dịch COVID -19.

1.2. Xác định một số yếu tố liên quan đến tình trạng lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên khối ngành sức khỏe - Đại học Phenikaa trong đại dịch COVID -19.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Sinh viên chính quy khối ngành sức khỏe đang học

tại trường Đại học Phenikaa, đồng ý tham gia vào nghiên cứu. Thời gian từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 1 năm 2022.

### 2.2. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

### 2.3. Cỡ mẫu:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

• Cỡ mẫu trong nghiên cứu này được xác định theo công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ, với p của lo âu, trầm cảm và stress lần lượt là 22.4%, 28.8% và 71.4% (là tỷ lệ sinh viên gặp lo âu, trầm cảm và stress theo nghiên cứu của tác giả Trần Kim Trang)[1]. Thay số vào công thức được lần lượt cỡ mẫu là 246, 323 và 323.

• Chọn 323 là cỡ mẫu tối thiểu.

### 2.4. Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu thuận tiện

### 2.5. Các bước tiến hành thu thập số liệu

Số liệu thu thập trực tuyến qua công cụ Google form và được gửi tới toàn bộ sinh viên khối ngành sức khỏe thuộc Đại học Phenikaa. Kết quả có 369 sinh viên trả lời hoàn chỉnh bộ câu hỏi nghiên cứu.

### 2.6. Bộ công cụ

Các biến số về ảnh hưởng tới mức độ lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên Đại học Phenikaa được thu thập dựa trên bộ công cụ DASS – 21. Đây là bộ công cụ được P F Lovibond, S H Lovibond phát triển năm 1995 . Nghiên cứu này sử dụng phiên bản do Viện Sức khỏe tâm thần Bệnh viện Bạch Mai Việt hóa[3, 10]. Điểm cắt tương ứng với mỗi dấu hiệu tâm lý như sau:

Điểm cắt	Lo âu (điểm)	Trầm cảm (điểm)	Stress (điểm)
Bình thường	0 - 7	0 - 9	0 - 14
Nhẹ	8 - 9	10 - 13	15 - 18
Trung bình	10 - 14	14 - 20	19 - 25
Nặng	15 - 19	21 - 27	26 - 33
Rất nặng	≥ 20	≥ 28	≥ 34

Trong nghiên cứu này, hệ số Cronbach's Alpha tương ứng với các câu phần: lo âu 0.84, trầm cảm 0.89, stress

0.87 và thang đo DASS – 21 là 0.94. Tổng điểm thể hiện thang đo có độ tin cậy cao.

**2.7. Xử lý và phân tích số liệu**

Số liệu được phân tích trên phần mềm SPSS 18.0.

Các biến số được mô tả bằng tỷ lệ tần suất và tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD). Kiểm định ANOVA được sử dụng để so sánh mức độ nghiêm trọng của các cấu phần. Điểm trung bình của 3 cấu phần lo âu, trầm cảm và stress được dùng để so sánh giữa 2 nhóm với nhau thông qua post hoc test

Bonferroni, mức ý nghĩa  $p < 0.05$ .

**2.8. Đạo đức nghiên cứu**

Nghiên cứu được thông qua theo quyết định số 246/GCN-HĐDD của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Bảng 1. Thực trạng lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên khối ngành sức khỏe Đại học Phenikaa trong đại dịch COVID - 19 theo thang đo DASS – 21**

Dấu hiệu	Tỉ lệ (n=369)	Mean (SD) (n=369)	Mức độ (n=369)		
			Nhẹ	Trung bình	Nặng
Lo âu	41 (11.1%)	0,89 (0,31)	25 (6.8%)	23 (6.2%)	8 (2.2%)
Trầm cảm	41 (11.1%)	0,89 (0,31)	22 (6.0%)	27 (7.3%)	1 (0.3%)
Stress	18 (4.9%)	0,95 (0,22)	18 (4.9%)	3 (0.8%)	0%

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 1 cho thấy có tỷ lệ sinh viên có dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress lần lượt là: (11.1%), (11.1%) và (4.9%). Tỷ lệ sinh viên biểu hiện dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress từ mức độ từ nhẹ,

trung bình và nặng, cụ thể: trầm cảm: (6.0%), (7.3%) và (0.3%), lo âu: (6.8%), (6.2%) và (2.2%), stress: (4.9%), (0,8%) và không có sinh viên gặp dấu hiệu stress mức độ nặng.

**Bảng 2. Mối liên quan giữa một số yếu tố với dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên**

Tên biến	Trầm cảm (n=369)			Lo âu (n=369)			Stress (n=369)		
	n (%)	OR (95%CI)	p	n (%)	OR (95%CI)	p	n (%)	OR (95%CI)	p
<b>Giới tính</b>									
Nam	11 (23.4)	3.0 (1.37-6.44)	0.004	11 (23.4)	3.0 (1.37-6.44)	0.004	7 (14.9)	4.95 (1.81-13.49)	0.001
Nữ	30 (9.3)			30 (9.3)			11 (3.4)		
<b>Sống cùng gia đình</b>									
Không	0 (0)	1.32 (1.09-1.18)	0.12	2 (11.1)	1.0 (0.22-4.51)	1.0	0 (0)	1.05 (1.03-1.08)	0.33
Có	41 (11.7)			39 (11.1)			18 (5.1)		
<b>Sống cùng bạn bè</b>									
Có	3 (7.0)	1.76 (0.52-6.0)	0.36	5 (11.6)	0.94 (0.35-2.55)	0.91	2 (4.7)	1.06 (0.24-4.77)	0.94
Không	38 (11.7)			36 (11.0)			16 (4.9)		
<b>Đi làm thêm trong quá trình học trực tuyến</b>									
Có	12 (17.9)	0.49 (0.23-1.01)	0.05	12 (17.9)	0.49 (0.23-1.01)	0.05	6 (9.0)	0.42 (0.15-1.16)	0.88
Không	29 (9.6)			29 (9.6)			12 (4.0)		
<b>Tiền sử được bác sỹ chẩn đoán gặp vấn đề tâm lý (căng thẳng tâm lý, rối loạn lo âu, trầm cảm, rối loạn giấc ngủ)</b>									
Có	11 (32.4)	5.02 (2.22-11.36)	<0.001	14 (41.2)	8.69 (3.91-19.33)	<0.001	7 (20.6)	4.95 (1.81-13.49)	0.001
Không	28 (8.7)			24 (7.5)			8 (2.5)		

Kết quả bảng 2 cho thấy, sinh viên nam có nguy cơ có các vấn đề về lo âu, trầm cảm và stress cao hơn nữ, cụ thể trầm cảm cao hơn 3.0 lần, lo âu cao hơn 3.0 lần và stress cao hơn 4.95 lần. Những sinh viên có tiền sử được bác sỹ chẩn đoán có các vấn đề về tâm lý thì nguy cơ gặp các dấu hiệu về trầm cảm, lo âu và stress cao hơn các sinh viên khác, cụ thể: trầm cảm cao hơn 5.02 lần, lo âu cao hơn 8.69 lần, và stress cao hơn 4.95 lần.

**Bảng 3. Mô hình hồi quy logistic phân tích mối liên quan giữa một số yếu tố cá nhân và tình trạng lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên khối ngành sức khỏe**

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	B	p	Exp (B)	95% CI Exp (B)	
					Lower	Upper
Lo âu	Giới tính (Nam)	1.4	0.002	9.1	1.68	10.21
	Điều kiện kinh tế gia đình		0.068			
	Đi làm thêm trong quá trình học		0.549			
	Sống cùng gia đình		0.937			
	Sống cùng bạn bè		0.451			
	Tiền sử vấn đề tâm lý (Có)	2.1	<0.001	8.7	3.64	21.01
Trầm cảm	Giới tính (Nam)	1.4	0.001	5.1	2.08	12.68
	Điều kiện kinh tế gia đình		0.286			
	Đi làm thêm trong quá trình học		0.185			
	Sống cùng gia đình		0.998			
	Sống cùng bạn bè		0.104			
	Tiền sử vấn đề tâm lý (Có)	1.6	<0.001	5.1	2.08	12.68
Stress	Giới tính (Nam)	2.2	0.001	9.5	2.82	31.84
	Điều kiện kinh tế gia đình		0.225			
	Đi làm thêm trong quá trình học		0.242			
	Sống cùng gia đình		0.998			
	Sống cùng bạn bè		0.516			
	Tiền sử vấn đề tâm lý (Có)	2.2	<0.001	9.5	2.82	31.84

Kết quả phân tích tại Bảng 3 cho thấy, sinh viên nam có khả năng gặp dấu hiệu lo âu cao gấp 9.1 lần ( $p = 0.002$ , 95% CI: 1.68 – 10.21), trầm cảm cao gấp 5.1 lần ( $p = 0.001$ , 95% CI: 2.08 – 12.68) và stress cao gấp 9.5 lần ( $p = 0.001$ , 95% CI: 2.82 – 31.84) so với sinh viên nữ sau khi đã hiệu chỉnh. Cùng với đó, những sinh viên có tiền sử được chẩn đoán gặp vấn đề về tâm lý thì nguy cơ gặp dấu hiệu lo âu cao gấp 8.7 lần ( $p < 0.001$ , 95% CI: 3.64 – 21.01), trầm cảm cao gấp 5.1 lần ( $p < 0.001$ , 95% CI: 2.08 – 12.69) và stress cao gấp 9.5 lần ( $p < 0.001$ , 95% CI: 2.82 – 31.84) so với sinh viên nữ sau

khi đã hiệu chỉnh.

#### 4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi tiến hành trên 369 sinh viên khối ngành sức khỏe thuộc Đại học Phenikaa từ tháng 9/2021 – 01/2022, sau thời điểm thành phố Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội 2 tháng. Kết quả nghiên cứu cho thấy có tỷ lệ sinh viên khối ngành sức khỏe có dấu hiệu trầm cảm, lo âu và stress lần lượt: 11.1%, 11.1%

và 4.9%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Aida Kalok và cộng sự tiến hành tại Malaysia[7], thấp hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Wei-wei Chang và cộng sự thực hiện tại Trung Quốc[4], và thấp hơn so với nghiên cứu do tác giả Jayanti Mishra và cộng sự tiến hành tại Ấn Độ[8].

Xét về mức độ các vấn đề tâm lý, trong nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ sinh viên khối ngành sức khỏe có dấu hiệu trầm cảm, lo âu và stress từ mức độ từ nhẹ, trung bình và nặng, lần lượt: trầm cảm: (6.0%), (7.3%) và (0.3%), lo âu: (6.8%), (6.2%) và (2.2%), stress: (4.9%), (0,8%) và không có sinh viên gặp dấu hiệu stress mức độ nặng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Trần Kim Trang và tác giả Nguyễn Thị Bích Tuyền[1, 2].

Tim hiểu một số yếu tố liên quan từ đại dịch COVID - 19 ảnh hưởng đến tình trạng lo âu, trầm cảm và stress của sinh viên khối ngành sức khỏe Đại học Phenikaa, kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên nam có nguy cơ gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần cao hơn nữ, cụ thể: lo âu cao hơn 3.0 lần ( $\chi^2 = 8.24$ ;  $p = 0.004$ , 95% CI: 1.37 – 6.44), trầm cảm cao hơn 3.0 lần ( $\chi^2 = 8.24$ ;  $p = 0.004$ , 95% CI: 1.37 – 6.44) và stress cao hơn 4.95 lần ( $\chi^2 = 11.6$ ;  $p = 0.004$ , 95% CI: 1.84 – 13.49). Kết quả này tương tự như nghiên cứu của tác giả Wei-wei Chang tiến hành tại Trung Quốc[4].

Kết quả phân tích cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ sinh viên khối ngành sức khỏe gặp những vấn đề về sức khỏe tâm thần trong nhóm sinh viên có tiền sử được bác sỹ chẩn đoán gặp vấn đề về tâm lý (căng thẳng tâm lý, rối loạn lo âu, trầm cảm, rối loạn giấc ngủ), cụ thể: sinh viên có tiền sử được bác sỹ chẩn đoán gặp vấn đề về tâm lý thì nguy cơ có dấu hiệu trầm cảm cao gấp 5.02 lần những sinh viên khác ( $\chi^2 = 17.6$ ;  $p < 0.001$ , 95% CI: 2.22 – 11.36), dấu hiệu lo âu cao gấp 8.69 lần những sinh viên khác ( $\chi^2 = 36.7$ ;  $p < 0.001$ , 95% CI: 3.91 – 19.3), stress cao gấp 4.95 lần những sinh viên khác ( $\chi^2 = 11.6$ ;  $p = 0.001$ , 95% CI: 1.81 – 13.49). Kết quả này tương tự như nghiên cứu của tác giả Mohamed R. Soltan tiến hành tại Ai Cập[9].

Kết quả phương trình hồi quy logistic cho thấy sinh viên nam có khả năng gặp dấu hiệu lo âu cao gấp 9.1 lần ( $p = 0.002$ , 95% CI: 1.68 – 10.21), trầm cảm cao gấp 5.1 lần ( $p = 0.001$ , 95% CI: 2.08 – 12.68) và stress cao gấp 9.5 lần ( $p = 0.001$ , 95% CI: 2.82 – 31.84) so với sinh viên nữ sau khi đã hiệu chỉnh. Cùng với đó, những sinh viên có tiền sử được chẩn đoán gặp vấn đề về tâm

lý thì nguy cơ gặp dấu hiệu lo âu cao gấp 8.7 lần ( $p < 0.001$ , 95% CI: 3.64 – 21.01), trầm cảm cao gấp 5.1 lần ( $p < 0.001$ , 95% CI: 2.08 – 12.69) và stress cao gấp 9.5 lần ( $p < 0.001$ , 95% CI: 2.82 – 31.84) so với sinh viên nữ sau khi đã hiệu chỉnh. Kết quả này tương tự như nghiên cứu của tác giả Wei-wei Chang[4] và tác giả Koo Goo[6] tiến hành tại Trung Quốc. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của chúng tôi trái ngược với nghiên cứu tại Ai Cập[9], Malaysia[7] và Thổ Nhĩ Kỳ[5], theo đó sinh viên nữ khối ngành sức khỏe có nguy cơ gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần cao hơn sinh viên nam.

## 5. KẾT LUẬN

1. Trong đại dịch COVID-19, tỷ lệ sinh viên khối ngành sức khỏe đại học Phenikaa có dấu hiệu lo âu, trầm cảm và stress khá cao.
2. Sinh viên nam có nguy cơ gặp các vấn đề về lo âu, trầm cảm và stress cao hơn sinh viên nữ, Những sinh viên có tiền sử được bác sỹ chẩn đoán bị các vấn đề về tâm lý thì nguy cơ gặp các dấu hiệu về lo âu, trầm cảm và stress cao hơn các sinh viên khác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Kim Trang, “Stress, lo âu, trầm cảm ở sinh viên y khoa”, Y Học TP. Hồ Chí Minh. Tập 16, Phụ bản của Số 1, 2012.
- [2] Nguyễn Thị Bích Tuyền, Nguyễn Thanh Trúc, Lê Kim Phụng, “Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm của sinh viên năm cuối ngành dược tại Đồng Nai”, UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, 2020
- [3] Thạch TD, Tuan T, Jane F, “Validation of the depression anxiety stress scales (DASS) 21 as a screening instrument for depression and anxiety in a rural community-based cohort of northern Vietnamese women”, BMC Psychiatry 2013, 2013.
- [4] Wei-wei C et al., “The Mental Health Status and Associated Factors Among Medical Students Engaged in Online Learning at Home During the Pandemic: A Cross-Sectional Study From China”, Frontiers in Psychiatry, 2021.
- [5] Bulent E, Alis O, Nazan B, “Depression and



- anxiety among medical students: Examining scores of the beck depression and anxiety inventory and the depression anxiety and stress scale with student characteristics”, *Cogent Psychology*, 2012.
- [6] Kun G et al., “Assessing social support impact on depression, anxiety, and stress among undergraduate students in Shaanxi province during the COVID-19 pandemic of China”, *PLOS ONE*, 2021.
- [7] Aida K, Shalishah S, Abdul MAH, “The Psychological Impact of Movement Restriction during the COVID-19 Outbreak on Clinical Undergraduates: A Cross-Sectional Study”, *Int. J. Environ. Res. Public Health*, 2020.
- [8] Jayanti M et al., “Mental Health Status, Coping Strategies During Covid-19 Pandemic Among Undergraduate Students of Healthcare Profession”, *International Journal of Mental Health and Addiction*, 2021.
- [9] Mohamed RS, Shaimaa SS, Mariam ED, “A study of anxiety, depression and stress symptoms among Fayoum medical students during COVID-19 lockdown, Egypt”, *The Egyptian Journal of Neurology, Psychiatry and Neurosurgery*, 2021.
- [10] Viện Sức khỏe tâm thần - Bệnh viện Bạch Mai, Thang đánh giá Lo âu – Trầm cảm – Stress (DASS 21), Hà Nội, truy cập ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trang web <http://nimh.gov.vn/thang-danh-gia-lo-au-tram-cam-stress-dass-21/>.